TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN A
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập –Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 75/2019/DS-ST
Ngày: 15/5/2019
V/v: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Sang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Tấn Phước;
2. Bà Nguyễn Thị Tuyết Ái.

Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Minh Nhựt - Thư ký Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh An Giang.

Đại diện viên kiểm sát nhân dân huyện A tham gia phiên tòa: Ông Phạm Hoàng Lưu- Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện A mở phiên toà xét sử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 177/2018/TLST – DS ngày 05 tháng 12 năm 2018 về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản* " theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 138/2019/QĐXXST - DS ngày 01 tháng 4 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Yến N** sinh năm 1984. (vắng mặt)

Cư trú: Tổ 2, ấp T, xã M, huyện C, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Bà **Huỳnh Bích H**, sinh năm 1983; (vắng mặt)

Ông **Trần Văn M,** sinh năm: 1976. (vắng mặt)

Cùng cư trú: Tổ 34, ấp V, xã T, huyện A, tỉnh An Giang.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Ông **Huỳnh Văn T**, sinh năm: 1973. (vắng mặt)

Cư trú: Ấp H, xã L, huyện P, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, tại các lời khai và các tài liệu chứng cứ kèm theo bà Nguyễn Thị Yến N trình bày: Bà có cho vợ chồng ông Trần Văn M và bà Huỳnh Bích H vay 25.000.000 đồng trong hai lần, cụ thể: Ngày 21/9âl/2014 bà cho bà

H, ông M vay 15.000.000 đồng và ngày 07/10 âl/2014 bà cho bà H, ông M vay 10.000.000 đồng. Lãi suất 5%/tháng, vay không thời hạn khi cần thì cho hay trước 01 tháng bà H, ông M sẽ trả đủ tiền vay cho bà, mục đích vay sửa chữa ghe chạy cát, có ghi biên nhận do ông T là anh trai bà H ghi, bà và bà H cùng ký tên vào biên nhận và ông T ký tên chứng kiến.

Sau khi vay bà H, ông M không đóng lãi nên bà nhiều lần yêu cầu trả nợ vay. Cho đến cuối năm 2015 thì ông T có đưa cho bà 5.000.000 đồng nói là bà H gửi trả vốn rồi ngưng cho đến nay. Bà xác định là sau khi vay bà H, ông M không đóng lãi cho bà tháng nào mà chỉ gửi cho ông T 5.000.000 đồng để trả vốn cho bà.

Nay, bà đồng ý là phần 5.000.000 đồng trừ vào tiền vốn, còn lại 20.000.000đồng. Bà yêu cầu bà H, ông M phải trả cho bà 20.000.000 đồng tiền vốn vay. Bà không yêu cầu tính lãi.

Trong quá trình thụ lý, công khai chứng cứ và hòa giải Tòa án đã tiến hành cấp tống đạt cho bà Huỳnh Bích H, ông Trần Văn M theo quy định nhưng bà H, ông M vẫn không có mặt theo văn bản triệu tập của Tòa án nên không thể tiến hành hòa giải.

Tòa án tiến hành xác minh được bà Nguyễn Thị Thu Cúc - Công an viên xã T cung cấp: Bà Huỳnh Bích H có hộ khẩu thường trú tại xã T, huyện A, tỉnh An Giang. Theo hồ sơ hộ khẩu số: 6474, sổ hộ khẩu số: 010382355 ngày đăng ký: 13/6/2016.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 22/02/2019 ông Trần Văn M trình bày:

Ông là chồng bà Huỳnh Bích H còn ông Huỳnh Văn T là anh vợ. Ông thừa nhận ông và bà H có nhận được thông báo thụ lý và thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải của Tòa án nhưng do ông bận công việc nên không đến Tòa án còn bà H thì làm công nhân ở Bình Dương nên không về được.

Ông thừa nhận bà H có vay của bà N 25.000.000 đồng. Khi vay không làm biên nhận, sau đó bà N có đưa biên nhận đề ngày 07/10âl/2014, bà H ký tên vào biên nhận có sự chứng kiến của ông.

Khi bà H vay ông hoàn toàn không biết cho đến khi bà N yêu cầu bà H trả tiền thì ông mới biết việc bà H vay tiền của bà N, chỉ biết là lãi suất 7%/tháng, đóng lãi hơn 03 năm thì ngưng. Mỗi lần đóng lãi 4.000.000đồng – 5.000.000 đồng/tháng, tiền lãi gửi cho ông T để đóng lãi cho bà N.

Ngoài ra, vào khoảng 02 năm trước ông có đưa cho ông T 5.000.000 đồng để trả tiền vốn vay cho bà N.

Ông yêu cầu số tiền lãi đã đóng trừ vào tiền vốn gốc, số tiền nợ gốc còn lại ông xin được trả dần mỗi tháng 300.000 đồng cho đến khi dứt nợ.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Văn T trình bày: Do thấy bà H cần tiền sửa chữa ghe nên ông có giới thiệu bà H vay tiền của bà N. Số tiền vay, lãi suất, mục đích và thời gian vay đúng như lời bà N trình bày. Khi vay có lập biên nhận vay, ông là người lập biên nhận cho bà H, bà N ký tên vào.

Sau khi vay bà H, ông M không đóng lãi nên phát sinh tranh chấp.

Từ khi vay đến nay bà H chỉ gửi cho ông 5.000.000 đồng đưa cho bà N để trả bớt tiền vốn. Ngoài ra, không gửi tiền lãi gì cả. Còn việc có đóng lãi trực tiếp cho bà N không thì ông không biết.

Tòa án đã triệu tập các đương sự để tiến hành đối chất nhưng bà H, ông M vắng mặt nên không thể đối chất.

Các tài liệu, chứng cứ do đương sự cung cấp, tài liệu Tòa án thu thập được đã được công bố tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tại phiên tòa hôm nay.

Tại phiên toà: Bà N vắng mặt nhưng có đơn xin vắng mặt, bà H, ông M và ông T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng theo quy định tại Điều 227, 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quan điểm đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A:

Về thủ tục tố tụng: Tòa án thụ lý, xác định quan hệ tranh chấp, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ đảm bảo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; thành phần Hội đồng xét xử không thuộc trường hợp phải thay đổi.

Về nội dung:

Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn bà H, ông M trả số tiền vốn vay 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng cho nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, quan điểm của Vị đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về thẩm quyền giải quyết và quan hệ pháp luật tranh chấp: Bà N khởi kiện yêu cầu bà H và ông M có nghĩa vụ liên đới trả nợ vay; bị đơn cư trú tại ấp V, xã T, huyện A, tỉnh An Giang nên xác định quan hệ tranh chấp hợp đồng vay tài sản và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về tư cách tham gia tố tụng: Bà N kiện yêu cầu bà H, ông M có nghĩa vụ liên đới trả tiền nợ vay nên xác định N là nguyên đơn; bà H, ông M là bị đơn; ông T là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

[2] Về nội dung:

Hợp đồng vay tài sản giữa các bên tuy không lập thành văn bản nhưng có biên nhận thể hiện sự tự thỏa thuận với nhau trên nguyên tắc tự nguyện phù hợp với pháp luật nên xem là hợp đồng hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Bà N yêu cầu bà H, ông M có nghĩa vụ liên đới trả tiền vốn vay 20.000.000 đồng.

Xét yêu cầu khởi kiện của bà N, Hội đồng xét xử xét thấy: Mặc dù không tiến hành hòa giải được nhưng tại biên bản ghi lời khai ngày 22/2/2019 ông M là chồng bà

H thừa nhận chữ ký trong biên nhận nợ đề ngày 07/10 âl/2014 là do bà H ký có sự kiến của ông. Ông cũng thừa nhận bà H có vay 25.000.000 đồng sau đó đã trả được 5.000.000 đồng tiền còn lại 20.000.000 đồng. Do đó, yêu cầu khởi kiện của bà N là có căn cứ chấp nhận.

Về lãi suất: Hai bên xác định hợp đồng vay có lãi. Theo đó, bà N cho rằng lãi xuất vay là 5%tháng nhưng từ sau khi vay đến nay bà H, ông M không đóng lãi. Tuy nhiên, bà chỉ yêu cầu bà H, ông M trả vốn vay, không yêu cầu tính lãi. Xét thấy việc bà N không yêu cầu tính lãi là có lợi cho bị đơn nghĩ nên chấp nhận.

Ông M cho rằng lãi suất vay là 7%/tháng, thời gian đóng lãi hơn 03 năm, mỗi lần đóng lãi 4.000.000 đồng – 5.000.000 đồng, việc đóng lãi không trực tiếp giao cho bà N mà giao tiền cho ông T nhờ ông T giao lại cho bà N. Tuy nhiên, ông T xác định ngoài 5.000.000 đồng bà H đưa trả tiền vốn vào cuối năm 2015 thì không ai gửi tiền lãi gì cả và bà N cũng xác định chỉ nhận từ ông T 5.000.000 đồng tiền bà H gửi trả vốn.

Xét thấy: Nghĩa vụ chứng minh tiền lãi đã đóng là của bà H, ông M theo quy định tại khoản 2 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự và Tòa án cũng đã có văn bản yêu cầu ông bà cung cấp chứng cứ để chứng minh cho lời trình bày của mình nhưng bà H, ông M không thực hiện. Tòa án đã triệu tập các đương sự để tiến hành đối chất nhưng bà H, ông M vẫn vắng mặt nên không tiến hành đối chất được với nhau. Do đó, lời trình bày của ông M là không có căn cứ xem xét.

Về phương thức thanh toán nợ: Do các bên không thống nhất phương thức thanh toán nợ nên Hội đồng xét xử chỉ xác định nghĩa vụ trả nợ, còn thời gian trả như thế nào sẽ được xem xét ở giai đoạn thi hành án, khi án có hiệu lực pháp luật.

[5] *Về án phí*: Bà H, ông M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự;

Điều 27 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Các Điều 26, Điều 70, Điều 91, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 26 Nghị quyết số 326/2016 UBTVQH 14, ngày 30/12/2016.

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Yến N;

Buộc bà Huỳnh Bích H và ông Trần Văn M phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Yến N số tiền 20.000.000 (Hai mươi triệu) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành đầy đủ khoản tiền nêu trên thì còn phải chịu lãi phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian và số tiền chưa thi hành.

Về án phí: Bà H, ông M phải chịu 1.000.000 (Một triệu) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Chi cục Thi hành án dân sự huyện A hoàn lại cho bà N 625.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã đóng theo biên lai thu số: 0010884 ngày 04/12/2018.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú các đương sự có quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

(*Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự*).

***Nơi nhận*:**
- Toà án tỉnh;
- VKS huyện;
- THA huyện;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Sang